UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 637 /TB-TTPTQĐ	*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc cho thuê đất ngắn hạn đối với khu đất làm bãi tập kết, trung chuyển tạm thời và xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thông báo việc cho thuê đất ngắn hạn để thực hiện phương án tập kết, trung chuyển tạm thời và xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin khu đất cho thuê: Khu đất Sân vận động 40.000 chỗ ngồi thuộc dự án Khu liên hợp TDTT Hòa Xuân, phường Hòa Xuân với diện tích làm điểm tập kết, trung chuyển tạm thời và xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng là 20.000 m^2.

2. Mục đích thuê đất: sử dụng khu đất để thực hiện phương án tập kết, trung chuyển tạm thời và xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng.

3. Thời hạn thuê đất: 60 tháng.

4. Điều kiện và tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê đất

Tổ chức, cá nhân đăng ký thuê đất ngắn hạn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện bắt buộc và tiêu chí chấm điểm quy định tại bảng tiêu chí dưới đây.

4.1. Căn cứ pháp lý

- Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung; Văn bản hợp nhất số 46/VBHN-BNNMT ngày 03/4/2026;

- Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Công văn số 2878/UBND-STNMT ngày 07/6/2023 của UBND thành phố về việc liên quan vị trí tập kết tạm chất thải rắn xây dựng và phá dỡ trên địa bàn thành phố;

- Công văn số 3711/UBND-SNNMT ngày 16/6/2025 của UBND thành phố về việc liên quan phương án hình thành tạm thời các vị trí tập kết chất thải rắn xây dựng và phá dỡ (CTRXD) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Công văn số 3915/UBND-ĐTĐT ngày 13/05/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc liên quan đến vị trí xây dựng Nhà máy xử lý, tái chế và các điểm tập kết tạm thời chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố;

- Báo cáo số 302/BC-STNMT ngày 25/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) liên quan đến đề xuất tiêu chí lựa chọn và tiêu chí về mô hình vị trí tập kết tạm chất thải xây dựng và phá dỡ, đã được UBND thành phố thống nhất tại Công văn số 2878/UBND-STNMT ngày 07/6/2023;

- Thông báo số 896/TB-VP ngày 11/09/2026 của Văn phòng UBND thành phố về thông báo kết luận tại cuộc họp liên quan đến quy hoạch vị trí, quy mô công suất các khu xử lý chất thải rắn trong đồ án Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075;

- Thông báo số 954/TB-VP ngày 25/09/2026 của Văn phòng UBND thành phố về thông báo kết luận của đồng chí Phan Thái Bình, Phó Chủ tịch UBND thành phố tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Thăng Long về nguồn vật liệu xây dựng và bãi đỗ thải phục vụ Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo đường hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng.

4.2. Bảng tiêu chí

Bộ tiêu chí phục vụ thẩm định, xếp hạng năng lực thực hiện nhiệm vụ xử lý chất thải rắn xây dựng được áp dụng phương pháp đánh giá định lượng nghiêm ngặt nhằm loại bỏ hoàn toàn yếu tố cảm tính, đảm bảo tính minh bạch, an toàn pháp lý và môi trường cho Thành phố.

(Bảng tiêu chí đánh giá kèm theo Thông báo này)

4.3. Quy định xét duyệt hồ sơ và tiêu chuẩn đánh giá

4.3.1. Mục đích và phạm vi áp dụng

Bộ tiêu chí dùng để lựa chọn đơn vị đủ năng lực tiếp nhận, tập kết, xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng thông thường trên quỹ đất cho thuê ngắn hạn; bảo đảm công suất, tiến độ, bảo vệ môi trường, hạn chế đổ trộm và sử dụng đất hiệu quả.

4.3.2. Điều kiện tiên quyết và ngưỡng điểm

Ba tiêu chí bắt buộc gồm:

- Tiêu chí 1 về ngành nghề kinh doanh hợp pháp (10 điểm);

- Tiêu chí 5 về công suất dây chuyền (15 điểm);

- Tiêu chí 13 về xử lý chất thải thứ cấp (10 điểm).

*** <u>Lưu ý:</u>**

+ Không đạt một trong ba tiêu chí bắt buộc thì loại hồ sơ;

+ Hồ sơ đạt yêu cầu khi đáp ứng đủ ba tiêu chí bắt buộc và có tổng điểm từ 70/100 điểm trở lên. Tổng điểm đã bao gồm tối đa 7 điểm khuyến khích tại Mục IV.

4.3.3. Cách chấm điểm và kiểm tra hồ sơ

Chấm theo các mức điểm trong bảng. Nội dung không có tài liệu chứng minh thì không được công nhận điểm. Trung tâm Phát triển quỹ đất đối chiếu hồ sơ, yêu cầu làm rõ khi cần và ghi rõ điểm, căn cứ chấm của từng tiêu chí.

Kinh nghiệm và khối lượng đã thực hiện được kiểm tra qua hợp đồng, hồ sơ nghiệm thu, giao nhận hoặc xác nhận khối lượng. Thiết bị được kiểm tra qua hợp đồng mua sắm, lắp đặt hoặc thuê máy, tài liệu kỹ thuật và hình ảnh. Thời hạn giao, lắp đặt máy phải phù hợp tiến độ đưa bãi vào hoạt động; thiết bị hiện có được kiểm tra thực tế khi cần.

4.3.4. Hồ sơ đăng ký và điều kiện hoạt động

Hồ sơ dùng để chấm điểm gồm phương án xử lý chất thải đã ký, đóng dấu và tài liệu chứng minh theo bảng tiêu chí. Ngành nghề và tình trạng hoạt động được đối chiếu với thông tin đăng ký kinh doanh; đối với doanh nghiệp, tra cứu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Yêu cầu về hồ sơ môi trường được xác định theo loại hình, quy mô hoạt động và thời điểm pháp luật quy định.

4.3.5. Lựa chọn đơn vị thuê đất

Các hồ sơ đạt yêu cầu tại điểm 4.3.2 được tiếp tục tham gia mở hồ sơ đề xuất giá thuê và xét lựa chọn người thuê theo quy định (tại Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng).

Người được lựa chọn thuê đất là người có hồ sơ nộp hợp lệ và có đơn giá đề xuất thuê cao nhất.

5. Điều kiện về đăng ký thuê đất

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất **cần đọc kỹ hướng dẫn thuê đất, dự thảo hợp đồng, các cam kết trong đơn đề nghị thuê đất** kèm theo Thông báo này để thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ đảm bảo đúng, đủ theo quy định. Tổ chức, cá nhân đăng ký thuê đất ngắn hạn phải ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trong đơn. Trung tâm Phát triển quỹ đất không chịu trách nhiệm đối với mọi sai sót dẫn đến hồ sơ không hợp lệ (không ghi rõ ràng, ghi thiếu, nhầm lẫn…); không có, hoặc thiếu, hoặc sai thông tin chuyển trả tiền đặt cọc cho người không được lựa chọn và các vướng mắc phát sinh từ phía tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất (nếu có).

- Hồ sơ đăng ký thuê đất ngắn hạn phải kèm theo chứng từ nộp tiền đặt cọc. Trường hợp không có chứng từ này, hồ sơ được xác định là không hợp lệ.

6. Nộp tiền đặt cọc

Tiền đặt cọc là tiền đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình được quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; không khấu trừ vào tiền thuê đất; được tính bằng 10% tổng giá trị tiền thuê đất tính theo giá khởi điểm cho toàn bộ diện tích và thời gian thuê của khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn.

Các tổ chức, cá nhân tham gia nộp tiền đặt cọc theo thông báo, cụ thể:

- Tên đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng

- Số tài khoản: 245568568 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng

- Nội dung nộp tiền: Tên người nộp + số CCCD hoặc MST + Nộp tiền đặt cọc + khu đất đăng ký thuê ngắn hạn.

Ví dụ: Nguyễn Văn A hoặc Công ty B 0123456789 nộp tiền đặt cọc khu…, phường…

7. Trình tự đăng ký tham gia thuê đất

7.1. Đăng ký tham gia thuê

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện tham gia thuê đất ngắn hạn để làm điểm tập kết, trung chuyển tạm thời và xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng phải đăng ký và nộp hồ sơ theo quy định. Hồ sơ được tiếp nhận không hạn chế về số lượng và được quản lý, bảo quản trong thùng kín được niêm phong có đóng dấu của Trung tâm.

- Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo thông báo của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng. Người đăng ký nộp **02 (hai) bộ hồ sơ đã được niêm phong** cho Trung tâm Phát triển quỹ đất, cụ thể:

+ 01 bộ hồ sơ chứng minh điều kiện và đáp ứng các tiêu chí tham gia theo quy định tại Mục 4;

+ 01 bộ hồ sơ đề xuất đơn giá thuê đối với vị trí đăng ký thuê.

- Sau khi kết thúc thời gian nộp hồ sơ theo thông báo, trong vòng không quá 02 ngày làm việc, Trung tâm Phát triển quỹ đất sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan họp xét chấm điểm các trường hợp đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện xét duyệt hồ sơ đăng ký đề xuất đơn giá thuê và thông báo kết quả cho các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ được biết.

- Đối với các trường hợp không đáp ứng điều kiện Trung tâm Phát triển quỹ đất sẽ không mở hồ sơ đăng ký giá thuê tại buổi mở hồ sơ và sẽ hoàn trả tiền cọc theo quy định trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả nêu trên.

- Người đăng ký đáp ứng điều kiện xét duyệt hồ sơ đăng ký đề xuất giá thuê theo thông báo của Trung tâm có trách nhiệm tham dự buổi mở và xét duyệt hồ sơ theo thời gian, địa điểm nêu tại thông báo của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

7.2. Hồ sơ đăng ký tham gia thuê

Tổ chức, cá nhân đăng ký thuê đất có trách nhiệm kê khai thông tin và chuẩn bị đầy đủ thành phần hồ sơ theo hướng dẫn và yêu cầu tại thông báo này.

Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung giấy tờ hoặc hồ sơ, người đăng ký chỉ được xem xét giải quyết trong thời gian tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

Tổ chức, cá nhân tự niêm phong hồ sơ và bỏ trực tiếp vào thùng hồ sơ niêm phong. Hồ sơ phải kèm theo chứng từ nộp tiền đặt cọc; trường hợp hồ sơ không có chứng từ nộp tiền đặt cọc kèm theo thì hồ sơ được xem là không hợp lệ.

Một tổ chức, cá nhân được quyền tham gia và nộp hồ sơ với nhiều khu đất trong danh mục nhưng một khu đất chỉ được tham gia đăng ký 01 (một) lần (gồm 02 bộ hồ sơ niêm phong theo quy định tại Mục 7.1). Khi lập hồ sơ, vui lòng đọc kỹ và thực hiện đầy đủ hướng dẫn và các quy định có liên quan (nếu có); đồng

thời ghi đầy đủ, chính xác và tự chịu trách nhiệm về các thông tin điền trong đơn đề nghị thuê đất, bao gồm:

+ Thông tin liên hệ (địa chỉ, số điện thoại).

+ Đơn giá thuê (ghi bằng số và bằng chữ, đảm bảo thống nhất).

+ Thông tin tài khoản nhận hoàn trả tiền đặt cọc (trường hợp không được lựa chọn).

+ Giá thuê phải tính theo đơn vị: **đồng/m^2/năm.**

8. Địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ

- Địa chỉ: 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Số điện thoại: 0236.3655.655.

(Chi tiết kèm theo Thông báo này)

9. Thời gian phát hành, tiếp nhận và mở hồ sơ lựa chọn thuê đất ngắn hạn

(Chi tiết các đợt kèm theo Thông báo này)

*** Lưu ý: Nộp hồ sơ trong giờ hành chính**

Thông tin chi tiết về khu đất cho thuê (vị trí, mục đích sử dụng, thời hạn cho thuê, diện tích, đơn giá, tiền đặt cọc) đính kèm thông báo này.

Thông tin chi tiết về khu đất thuê và các hướng dẫn chi tiết liên quan về thủ tục thuê ngắn hạn, dự thảo hợp đồng, đơn đề nghị thuê đất… theo QR code sau:

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thông báo để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu biết, đăng ký tham gia thuê đất theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở Xây dựng (để biết);
- Ban Giám đốc TT;
- UBND phường: Hòa Xuân (để biết và đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử TP, Tổng đài 1022 (để hỗ trợ đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Trung tâm Phát triển quỹ đất (đăng tin)
- Các phòng Trung tâm (để phối hợp);
- Lưu VT, P.KTNĐ(Oanh).

Q. GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Minh Nam

THÔNG TIN CHI TIẾT KHU ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 637 /TB-TTPTQĐ ngày 19 /11 / 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

GỒM 01 KHU ĐẤT:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 19/11/2026 đến 17h30 ngày 25/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : Phòng Khai thác nhà, đất – 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện tham gia thuê : Bắt đầu từ 14h30 ngày 26/11/2026
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 30/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ: : Hội trường tầng 4 – 245 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

TT	Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
I	**PHƯỜNG HÒA XUÂN**						
1	Khu đất có diện tích 02 ha tại khu vực sân vận động 40.000 chỗ ngồi, phường Hòa Xuân	Đất công trình xử lý chất thải (xây dựng điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn xây dựng)	60 tháng	20.000,0	11.934	119.340.000	https://maps.app.goo.gl/ZJQpyzbhC2zLSeeC9

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 637 /TB-TTPTQĐ ngày 19 / 11 / 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
I	**Năng lực hành chính và kinh nghiệm**	**25**	
1	Ngành nghề kinh doanh hợp pháp	10	• Đạt (10 điểm): Đơn vị đang hoạt động hợp pháp; có ngành, nghề đã đăng ký phù hợp với công việc trực tiếp thực hiện, đối chiếu theo các mã sau: – 3811 – Thu gom rác thải không độc hại: thu gom, tiếp nhận, tập kết chất thải rắn xây dựng thông thường. – 3830 – Tái chế phế liệu: phân loại, nghiền, sàng, tái chế chất thải rắn xây dựng thông thường; tái chế phi kim loại thuộc nhóm chi tiết 38302. – 3821 – Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại: áp dụng khi đơn vị trực tiếp xử lý, tiêu hủy thuộc nhóm này; không yêu cầu đối với phần chất thải chuyển giao cho đơn vị khác đủ điều kiện xử lý. Đơn vị không bị cấm hoặc đình chỉ hoạt động một trong 03 ngành nghề đã đăng ký, thực hiện theo quyết định còn hiệu lực. Minh chứng: Giấy chứng nhận đăng ký và thông tin ngành, nghề, tình trạng hoạt động trên cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh; đối với doanh nghiệp, tra cứu Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. • Không đạt (0 điểm): Không đủ tư cách hoạt động, thiếu ngành, nghề cho công việc trực tiếp thực hiện hoặc đang bị cấm, đình chỉ hoạt động đó theo quyết định còn hiệu lực (LOẠI TRỰC TIẾP).
2	Kinh nghiệm hoạt động	3	• Tối đa (3 điểm): Có từ 36 tháng kinh nghiệm trực tiếp tiếp nhận, xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng thông thường. • Mức đạt (1 điểm): Có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực trên nhưng dưới 36 tháng. • Không đạt (0 điểm): Chưa có hồ sơ chứng minh kinh nghiệm thực tế.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
			Minh chứng bằng hợp đồng và hồ sơ thực hiện như biên bản nghiệm thu, phiếu tiếp nhận, phiếu xuất thành phẩm, hóa đơn. Thời gian kinh nghiệm tính theo công việc đã thực hiện.
3	Khối lượng chất thải rắn xây dựng đã xử lý thực tế	10	• Tối đa (10 điểm): Đã trực tiếp xử lý, tái chế từ 17.000 tấn trở lên. • Mức đạt (5 điểm): Đã trực tiếp xử lý, tái chế từ 12.000 tấn đến dưới 17.000 tấn. • Mức đạt (2 điểm): Đã trực tiếp xử lý, tái chế từ 10.000 tấn đến dưới 12.000 tấn. • Không đạt (0 điểm): Dưới 10.000 tấn hoặc không có hồ sơ chứng minh. Tính khối lượng trong 03 năm gần nhất đến ngày hết hạn nhận hồ sơ. Căn cứ hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoặc phiếu xác nhận khối lượng đã thực hiện; hồ sơ phải thể hiện công việc xử lý, tái chế do đơn vị trực tiếp thực hiện.
4	Chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường, thuế	2	• Đạt (2 điểm): Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về đất đai, môi trường, thuế hoặc đã đủ điều kiện được coi là chưa bị xử phạt theo khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính; không còn quyết định xử lý vi phạm đã quá hạn chưa chấp hành. • Không đạt (0 điểm): Đã bị xử phạt và chưa đủ điều kiện nêu trên hoặc còn quyết định xử lý vi phạm đã quá hạn chưa chấp hành. Đối chiếu bản kê khai của đơn vị với quyết định, thông tin của cơ quan có thẩm quyền.
II	**Giải pháp công nghệ và trang thiết bị**	**40**	
5	Công suất thiết kế của dây chuyền xử lý, tái chế	15	• Đạt (15 điểm): Dây chuyền có công suất từ 300 tấn/ngày trở lên đối với các phường nội thành, ven biển; từ 500 tấn/ngày trở lên đối với xã Hòa Tiến. Hồ sơ gồm thuyết minh công suất, sơ đồ tiếp nhận, phân loại, nghiền, sàng; danh mục máy và phương án vận hành. Có hợp đồng mua sắm, lắp đặt hoặc thuê thiết bị, kèm tài liệu kỹ thuật hoặc kết quả vận hành thực tế.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
			Máy nghiền, máy sàng và các thiết bị trong dây chuyền phải phù hợp khối lượng, loại vật liệu dự kiến xử lý. Thiết bị phải được bố trí cho bãi đăng ký theo tiến độ đã cam kết. • Không đạt (0 điểm): Không chứng minh được công suất nêu trên hoặc không có thiết bị đáp ứng dây chuyền đã kê khai (LOẠI TRỰC TIẾP).
6	Tính cơ động và giải pháp giải thể thiết bị	5	• Tối đa (5 điểm): Thiết bị dạng module di động (bánh xe/chân chống tạm); cam kết bằng văn bản: tự nguyện giải thể, di dời hoàn trả mặt bằng sạch trong ≤ 48 giờ khi Nhà nước thu hồi đất đột xuất. • Mức tốt (3 điểm): Thiết bị bán di động, thời gian di dời từ trên 48 giờ đến 72 giờ. • Mức đạt (1 điểm): Thiết bị bán di động, thời gian di dời từ trên 72 giờ đến 5 ngày. • Không đạt (0 điểm): Thiết bị cố định, đòi hỏi đổ bệ móng bê tông kiên cố cố định vào đất.
7	Máy nghiền bê tông, gạch, đá và khả năng vận hành	10	• Đạt (10 điểm): Có máy nghiền dạng búa, máy nghiền hàm hoặc công nghệ tương đương, nghiền được bê tông, gạch, đá; có biện pháp xử lý vật liệu kích thước lớn trước khi đưa vào máy. Năng suất máy phải đáp ứng lượng bê tông, gạch, đá cần nghiền trong phương án, bảo đảm dây chuyền đạt từ 300 tấn/ngày tại các phường nội thành, ven biển hoặc từ 500 tấn/ngày tại xã Hòa Tiến. Có hợp đồng mua sắm, lắp đặt hoặc thuê máy, kèm tài liệu kỹ thuật và hình ảnh. Hồ sơ ghi rõ loại máy; công suất định mức của động cơ chính từ 40 kW trở lên; năng suất nghiền (tấn/giờ); khả năng nghiền khối bê tông, gạch, đá có thể tích đến 0,02 m^3/khối; kích thước vật liệu đầu vào phù hợp cửa nạp, kích thước thành phẩm và nguồn điện hoặc nguồn năng lượng sử dụng. • Không đạt (0 điểm): Không đáp ứng các yêu cầu về máy, công suất động cơ, khả năng nghiền hoặc không có hợp đồng, tài liệu chứng minh. Trường hợp thiếu máy làm dây chuyền không đạt công suất thì đồng thời đánh giá không đạt Tiêu chí 5.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
8	Hệ thống phun sương, giảm bụi	3	• Đạt (3 điểm): Có hệ thống phun sương, tưới ẩm hoặc hút, lọc bụi tại khu tiếp nhận, máy nghiền, máy sàng và khu chứa vật liệu; có che chắn và biện pháp giảm bụi đường nội bộ. Bản vẽ hoặc thuyết minh nêu rõ vị trí thiết bị, cách sử dụng khi tiếp nhận và chạy máy; nguồn nước, bơm, đường ống nếu dùng phun, tưới. Thiết bị giảm bụi phải hoạt động cùng công việc phát sinh bụi. • Không đạt (0 điểm): Không có hoặc bố trí thiếu các biện pháp trên.
9	Máy sàng và thiết bị phân loại	3	• Tối đa (3 điểm): Có máy sàng lồng quay, sàng rung hoặc công nghệ tương đương, phân loại được thành phẩm theo kích thước; có nam châm hoặc thiết bị tương đương tách sắt; có vị trí tách riêng gỗ, nhựa, bao bì và tạp chất trước khi nghiền. • Mức đạt (1 điểm): Có máy sàng phân loại thành phẩm và bố trí phân loại tạp chất, nhưng thực hiện tách sắt thủ công. • Không đạt (0 điểm): Không có máy sàng phân loại thành phẩm hoặc không có biện pháp tách sắt, tạp chất. Minh chứng bằng hợp đồng mua sắm, lắp đặt hoặc thuê máy, tài liệu kỹ thuật và hình ảnh. Khả năng sàng phải phù hợp công suất dây chuyền đã kê khai.
10	Phương án, quy trình xử lý và sử dụng vật liệu sau tái chế	4	• Tối đa (4 điểm): Có đủ sơ đồ tiếp nhận, phân loại, nghiền, sàng, xuất vật liệu; hướng dẫn vận hành và bố trí nhân sự; biện pháp kiểm tra đầu vào, giảm tiếng ồn, độ rung và xử lý sự cố. Phương án nêu loại thành phẩm, mục đích sử dụng, cách kiểm tra chất lượng và nơi dự kiến tiếp nhận. Có hợp đồng, thỏa thuận tiêu thụ vật liệu hoặc hồ sơ công trình có nhu cầu sử dụng phù hợp, nêu loại vật liệu, nhu cầu và thời gian tiếp nhận dự kiến; có biện pháp xử lý vật liệu không đạt yêu cầu. • Mức đạt (2 điểm): Có quy trình tiếp nhận, phân loại, nghiền, sàng và bố trí vận hành, nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các nội dung còn lại của mức 4 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
			• Không đạt (0 điểm): Không có phương án hoặc không thể hiện được quy trình tiếp nhận, phân loại, nghiền, sàng và bố trí vận hành.
III	**Biện pháp bảo vệ môi trường và vận hành**	**28**	
11	Biện pháp tổ chức mặt bằng và vệ sinh	2	• Đạt (2 điểm): Có bản vẽ bố trí khu tiếp nhận, phân loại, nghiền, sàng, chứa thành phẩm và đường xe ra vào; có rãnh thoát nước, hố lắng, khu rửa bánh xe; có camera giám sát cổng và khu xử lý. Thuyết minh cách thu nước, lắng bùn và sử dụng lại hoặc xử lý nước phù hợp; thu dọn bùn cặn, không để nước mang đất, cát chảy ra đường. Các hạng mục phù hợp diện tích khu đất và tính chất thuê tạm thời. • Không đạt (0 điểm): Thiếu một trong các nội dung trên.
12	Cam kết chiều cao tập kết và vệ sinh tuyến đường	3	• Đạt (3 điểm): Cam kết chiều cao tập kết theo phương án bảo đảm ổn định bãi và không quá 7 mét, tính từ mặt bãi tại vị trí tập kết; quét dọn, tưới nước tuyến đường kết nối và thu dọn đất, đá do xe ra vào bãi làm rơi vãi. Có phương tiện, nhân lực hoặc hợp đồng dịch vụ để thực hiện; nêu khu vực, công việc vệ sinh và người phụ trách. • Không đạt (0 điểm): Thiếu cam kết hoặc không có biện pháp thực hiện.
13	Phương án xử lý chất thải thứ cấp	10	• Đạt (10 điểm): Có phương án thu gom, phân loại, lưu giữ riêng và chuyển giao phần chất thải không tái chế, rác sinh hoạt, bùn cặn, dầu mỡ thải và chất thải nguy hại phát sinh tại bãi. Nêu rõ từng loại chất thải, vị trí lưu giữ, thùng hoặc khu chứa và đơn vị tiếp nhận. Có hợp đồng nguyên tắc hoặc văn bản thỏa thuận còn hiệu lực với đơn vị đủ điều kiện tiếp nhận, xử lý; đơn vị xử lý chất thải nguy hại phải có giấy phép môi trường phù hợp. Hợp đồng, thỏa thuận có thể quy định dịch vụ bắt đầu khi bãi hoạt động. Bố trí việc giao nhận, chứng từ và trách nhiệm của bên thuê trong suốt thời gian sử dụng đất.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
			• Không đạt (0 điểm): Thiếu phương án thu gom, lưu giữ hoặc không có hợp đồng, thỏa thuận chuyển giao theo yêu cầu (LOẠI TRỰC TIẾP).
14	Tiền đặt cọc và trách nhiệm dọn bãi	3	• Đạt (3 điểm): Có cam kết nộp đủ tiền thuê đất, tiền đặt cọc và đã hoàn thành khoản phải nộp khi đến hạn (nếu có); cam kết tự tháo dỡ công trình, di chuyển máy móc, thu dọn chất thải, bàn giao mặt bằng theo quy định, chủ trương cho thuê và hợp đồng. • Không đạt (0 điểm): Không có cam kết đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ tài chính đã đến hạn theo quy định áp dụng. Đối chiếu văn bản cam kết và chứng từ nộp tiền khi đã đến thời hạn phải nộp. Điểm của tiêu chí không thay thế nghĩa vụ tài chính và trách nhiệm dọn bãi.
15	Biện pháp thi công và tiến độ triển khai	10	• Tối đa (10 điểm): Có biện pháp thi công, bố trí nhân lực, thiết bị và tiến độ có căn cứ; hoàn thành hạ tầng, đưa bãi vào hoạt động trong thời hạn không quá 02 tháng kể từ ngày bàn giao đất. • Mức đạt (5 điểm): Đáp ứng các yêu cầu về biện pháp, nhân lực, thiết bị dưới đây và hoàn thành trong thời hạn trên 02 tháng đến không quá 04 tháng. Biện pháp phải nêu trình tự chuẩn bị nền bãi, đường nội bộ, thoát nước, hố lắng, rửa bánh xe, cấp điện nước; vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra máy và thiết bị giảm bụi; người thực hiện, thiết bị sử dụng và thời gian hoàn thành từng việc. Hồ sơ máy hiện có hoặc thời hạn giao, lắp trong hợp đồng phải phù hợp tiến độ. Có giải pháp công trình tạm, tháo dỡ và di chuyển thiết bị khi kết thúc thuê. Thủ tục môi trường, xây dựng và điều kiện hoạt động phải thực hiện đúng thời điểm pháp luật quy định, được tính trong tiến độ. • Không đạt (0 điểm): Tiến độ trên 04 tháng hoặc không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về biện pháp, nhân lực, thiết bị và căn cứ tiến độ nêu trên; cam kết thời gian đơn thuần không được chấm điểm.
IV	**Tiêu chí cộng điểm khuyến khích (điểm thưởng)**	**7**	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách thức chấm điểm chi tiết (Định lượng & Pháp lý)
16	Thưởng: Kết quả tái chế, chất lượng và sử dụng vật liệu	5	• Tối đa (5 điểm): Khối lượng vật liệu xây dựng tái chế từ chất thải rắn xây dựng thông thường đã cung cấp hoặc sử dụng cho công trình hợp pháp đạt từ 20.000 m^3 (quy đổi ra 1 khối tương đương 1,3 tấn theo nguyên lý kỹ thuật tại TCVN 7572-6:2006) trở lên; có hồ sơ chất lượng phù hợp mục đích sử dụng. • Mức khá (2 điểm): Khối lượng từ 10.000 m^3 (quy đổi ra 1 khối bằng trung bình 1,3 tấn nguyên lý kỹ thuật tại TCVN 7572-6:2006) đến dưới 20.000 m^3 (quy đổi ra 1 khối tương đương 1,3 tấn nguyên lý kỹ thuật tại TCVN 7572-6:2006), có hồ sơ chất lượng và sử dụng vật liệu như trên. • Không thưởng (0 điểm): Khối lượng dưới 10.000 m^3 (quy đổi ra 1 khối tương đương 1,3 tấn nguyên lý kỹ thuật tại TCVN 7572-6:2006) hoặc không đủ hồ sơ chứng minh khối lượng, chất lượng và việc sử dụng vật liệu. Tính khối lượng đã thực hiện đến ngày hết hạn nhận hồ sơ. Minh chứng bằng hợp đồng, biên bản giao nhận hoặc nghiệm thu, hóa đơn theo quy định và kết quả thí nghiệm phù hợp loại vật liệu, mục đích sử dụng; xác định được công trình hoặc bên nhận vật liệu.
17	Thưởng: Chuyển đổi số và giám sát	2	• Tối đa (2 điểm): Đã sử dụng phần mềm quản lý khối lượng tiếp nhận, xuất vật liệu, lập phiếu và báo cáo; có dữ liệu camera và chức năng cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý kiểm tra từ xa. • Mức khá (1 điểm): Đã sử dụng phần mềm quản lý khối lượng, lập phiếu và báo cáo nhưng chưa đáp ứng đầy đủ mức trên. • Không thưởng (0 điểm): Chưa có phần mềm đáp ứng mức 1 điểm hoặc chỉ có cam kết sẽ thực hiện. Minh chứng bằng chức năng đang sử dụng, phiếu, báo cáo và dữ liệu mẫu; kiểm tra trực tiếp khi cần.
	Tổng cộng điểm kỹ thuật	**100**	